# <http://vncvanhoa.vass.gov.vn/>

# Tín ngưỡng dân gian

**18/02/2016**

## Patrick B. Mullen

Tín ngưỡng dân gian là một thể loại lớn bao gồm sự biểu cảm và cách ứng xử mà ta gọi là mê tín, tín ngưỡng bình dân, làm phép, các hiện tượng siêu tự nhiên, các câu của những bà nội trợ già, y học dân gian, tôn giáo dân gian, các biểu hiện của thời tiết, cây cỏ, các lời cầu khấn tụng niệm, những người hay vật mang vận rủi, đồ làm từ rễ cây, những điềm tốt hay điềm xấu, các chuyện yêu ma và những điều cấm kị. Alan Dundes đã đưa một định nghĩa cho tín ngưỡng dân gian theo cấu trúc (các mô hình cơ bản được giữ nguyên dù nội dung có thể thay đổi) nhằm mục đích tránh những nghĩa liên hội - miệt thị của các thuật ngữ vừa liệt kê trên. Những điều mê tín dị đoan là những thể hiện truyền thống có điều kiện và kết quả (nếu mèo đen chạy ngang đường ai thì người ấy sẽ gặp chuyện rủi ro, quầng sáng bao quanh mặt trăng nghĩa là ngày mai sẽ mưa). Trong một vài điều mê tín, điều kiện là nguyên nhân gây hậu quả (mèo đen là nguyên nhân của vận rủi) trong một vài điều mê tín khác thì không phải (như vậy quầng sáng là biểu hiện của mưa chứ không phải là nguyên nhân của mưa). Việc tin là đánh đổ muối thì gặp rủi ro cũng có nguyên nhân gây hậu quả (đánh đổ muối) và hậu quả (gặp rủi ro). Nếu đánh đổ muối là gặp rủi ro thì cũng có những lễ để giải hạn - trong trường hợp này là ném muối qua vai một người thì có thể đuổi được vận đen đi.

Những cấu trúc cơ bản không phải lúc nào cũng thể hiện rõ trong những tín ngưỡng truyền khẩuN, ví dụ như một câu được dùng rất rộng rãi “gõ vào gỗ” (knock on wood - tương đương “phỉ phui”). Điều kiện là nguyên nhân gây hậu quả ở đây được hiểu ngầm nhưng nó là một phần ngữ cảnh của hành vi. Có ai nói "Tôi đã lái xe 30 năm nay mà chưa gây một tai nạn nào” thì phải nói thêm “gõ vào gỗ”. Nguyên nhân gây hậu quả ở đây được hiểu ngầm và hậu quả - chính là nói đến một sự kiện chưa xảy ra nhưng chính vì nói đến mà có thể xảy ra - thể hiện quyền lực ghê gớm của những lời nói được thốt ra. Chỉ có một thành phần cấu trúc được thể hiện ở đây là nghi thức hoá giải sẽ loại trừ vận rủi (một tai nạn sẽ xảy ra). Ví dụ trên đây cũng minh hoạ cho sự cần thiết đánh giá hoàn cảnh hành vi để có thể hiểu đúng được tín ngưỡng dân gian, và những sự biểu cảm bằng lời nói cũng chỉ chứa đựng một phần ý nghĩa của sự kiện. Việc sử dụng định nghĩa cấu trúc giúp chúng ta thấy rõ hơn các yếu tố mang tính ngữ cảnh và tránh đánh giá sai những người thực hành tín ngưỡng của họ.

Rõ ràng là các nhà nghiên cứu dân gian và nhân học nghiên cứu những hiện tượng mê tín ở thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX đã có ý kiến rất rõ ràng về những yếu tố truyền thống của tín ngưỡng dân gian. Một trường phái tư duy cho rằng mê tín là những thứ còn sót lại của các nghi lễ nguyên thuỷR, ví dụ "gõ vào gỗ” là để gọi thần gỗ lên. Vấn đề của lý thuyết này là nó không dựa trên bằng chứng của tín ngưỡng hay cách ứng xử thực tế trong quá khứ, mà thay vào đó, nó chỉ là giả thuyết được đưa ra dựa vào những gì có trong hiện tại. Thêm nữa, lý thuyết "sót lại” này cũng không giải thích được cho chúng ta về sự thực hành tín ngưỡng trong thực tế ngày nay: Người ta gõ vào gỗ mà không hoàn toàn có ý thức để gọi thần cây lên. Các học giả trước đây đã liên kết mê tín và tầng lớp nông dân trong môi trường nông thôn, và điều này đã là nguyên nhân của việc họ bỏ qua việc nghiên cứu các hành vi mê tín trong môi trường ở thành thị, trong công nghiệp, của tầng lớp trung lưu và thượng lưu. Đó chính là sự chiếu cố ngầm đối với những người theo tín ngưỡng dân gian, coi họ như là những nhóm người “khác” - những  nhóm người có nền văn hoá bị kìm hãm phát triển.

Các nhà nghiên cứu dân gian đã mất nhiều thời gian mới nhận ra sự cần thiết tìm một thuật ngữ mang tính trung hoà để đặt tên cho tín ngưỡng dân gian nhằm tránh khuynh hướng vị chủng trong việc nghiên cứu cách ứng xử của con người: Năm 1930, Alexander Krappe viết: "Sự mê tín dị đoan, theo cách nói bình dân, là để chỉ tổng thể những tín ngưỡng và sự thực hành mà những người khác tham gia để phân biệt họ với bản thân chúng ta. Những gì mà  chúng ta tin và thực hành (đúng như nguyên văn), dĩ nhiên được gọi là tôn giáo”. Mới gần đây, năm 1977, Lawrence W. Levine nhận thấy rằng "Trong những nền văn hoá của những nô lệ (người Mỹ gốc Phi) có những sự việc kì cục và những hoạt động mà chúng ta chỉ mong xua đi như là mê tín dị đoan nhưng lại là những cách thức rất chính thống và quan trọng để nhận thức và hành động trong một vũ trụ được lĩnh hội bằng những ngôn từ thiêng liêng. Phân biệt những hoạt động và tín ngưỡng này khỏi tôn giáo là một việc vô nghĩa”. Tín ngưỡng tôn giáo và tín ngưỡng dân gian có thể tương đồng với nhau về mặt cấu trúc và chức năng, sự khác biệt là ở chỗ chúng được nhận thức bởi các nhóm người khác nhau. Như nhiều nhà nghiên cứu văn hoá dân gian học chỉ ra, tín ngưỡng dân gian không chỉ có ở trong những nhóm người kì lạ, không có học thức, biệt lập mà là ở trong tất cả các dân tộc.

Tín ngưỡng dân gian có tính xuyên văn hoá rộng rãi và tính đa dạng cao nên vấn đề chính trong các công trình học thuật của lĩnh vực  này là vấn đề phân loại. Hệ thống nào có thể luận giải được sự đa dạng chừng như vô tận của các chủ đề và hình mẫu của các nền văn hoá khác nhau trên thế giới này? Wayland D. Hand đã đưa ra được sự phân loại dựa trên cơ sở "chu kì cuộc sống” và đã được chứng minh là rất hữu dụng trong việc sắp xếp các bộ sưu tập tín ngưỡng dân gian. Các tiêu chí là: (1) Sinh ra, lúc còn trứng nước, tuổi thơ ấu; (2) Cơ thể con người, y học dân gian; (3) Ngôi nhà, những việc nội gia; (4) Kinh tế, các quan hệ xã hội; (5) Du lịch, giao tiếp; (6) Tình yêu, sự bày tỏ, hôn nhân; (7) Chết và các phong tục mai táng; (8) Các loại yêu ma, phù phép; (9) Các hiện tượng vũ trụ: thời gian, các con số, các mùa; (10) Thời tiết; (11) Súc vật và chăn nuôi gia súc; (12) Câu cá và săn bắn; (13) Cây, trồng cây; (14) Các thể loại pha tạp khác. Các tiêu chí này được chia nhỏ thành nhiều chủ đề chuyên biệt - ví dụ: Tiêu chí thứ tư (kinh tế, quan hệ xã hội) được chia thành (a) Sự phát đạt, tài sản; (b) Công việc, thương mại, nghề nghiệp; (c) Tôn giáo; (d) Bạn bè, kẻ thù; (e) Giải trí, thể thao, các trò chơi; (f) Lừa dối, trộm cắp, các tội lỗi theo luật pháp, giết người v.v... Với chuỗi  các sự kiện trong đời sống của con người, bảng kiệt kê trên đã cho ta ý tưởng để phân loại các chủ đề và mối quan tâm đã tạo lập nên tín ngưỡng dân gian.

Sự phân loại theo “Chu kì của cuộc sống” dựa trên quan niệm nghi lễ chuyển đổi giai đoạn do Arnold Van Gennep đưa ra. Nghi lễ chuyển giai đoạn xảy ra ở những thời điểm trong đời khi có biến chuyển quan trọng từ một giai đoạn này của cuộc đời sang một giai đoạn khác tiếp theo. Các lễ nghi và làm phép có khuynh hướng tập trung vào các thời điểm này nhằm bổ trợ cho các quá trình chuyển đổi. Sự phân loại của Hand đã minh họa cho điều này với các phạm trù cơ bản của tín ngưỡng dân gian từ lúc người ta sinh ra, kết hôn và chết. Trong rất nhiều hoàn cảnh, tín ngưỡng dân gian như là một phần hoạt động văn hoá của con người chỉ được hiểu như là một việc liên quan đến lễ nghi. Ví dụ, tín ngưỡng về hôn nhân thường được thể hiện như một phần nghi thức đám cưới, chẳng hạn truyền thống ném gạo vào cặp vợ chồng mới cưới, hay đeo “một vật gì đó mới, một vật gì đó cũ, một vật đi mượn, một vật màu xanh...” được nghiên cứu theo toàn thể phong tục ở khắp mọi nơi và cách ứng xử gắn liền với chính đám cưới.

Trước đây, các nhà nghiên cứu dân gian định sưu tập những chuyện mê tín để làm một bản báo cáo về tín ngưỡng mà bỏ qua nghiên cứu cách ứng xử có liên quan hoặc sự đa dạng các cấp độ của tín ngưỡng, chỉ tập trung vào văn bản mà phớt lờ ngữ cảnh. Sự phát triển trong nghiên cứu nhân học về các yêu thuật và lễ nghi, đặc biệt là công trình của Bronislaw Malinowski và các nhà chức năng luận khác đã làm cho sự nghiên cứu văn hoá dân gian về tín ngưỡng dân gian có tính ngữ cảnh hơn. Malinowski tiến hành nghiên cứu thực địa về việc làm phép và nghi lễ trong dân cư đảo Trobiand, từ nghiên cứu này ông đã đưa ra được lí thuyết về nghi lễ cầu xin [anxiety - ritual]. ở bất cứ đâu, khi có điều bất định trong cuộc sống những lo lắng, băn khoăn sẽ trỗi dậy và việc làm phép, lễ nghi sẽ giúp người ta có cảm giác làm chủ được mình. Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra việc lí thuyết cúng tế cầu xin thích ứng với những nhóm nghề nghiệp liên quan đến công việc có tính mạo hiểm cao. Ví dụ, nghiên cứu của Patrick B. Mullen đã chỉ ra những người làm nghề đánh bắt cá thương mại có cả một loạt chuyện tín ngưỡng dân gian mang tính nghề nghiệp, cái giúp họ đối phó với những nguy hiểm về thân thể và tài chính trong nghề của họ. Khi họ khởi đầu một chuyến đi biển dài ngày ở vùng nước tiềm ẩn nguy hiểm, họ thực hiện những nghi lễ như là ném xu ra boong tàu, tránh nói những từ như "cá sấu", "thỏ”, tránh làm các động tác đặc biệt như lật úp vỏ trứng xuống, để có một chuyến đi an toàn và sinh lợi. Hình mẫu và nghi thức này cũng thấy có trong các vận động viên điền kinh sẽ tham gia các giải thi đấu lớn, nghệ sĩ vào đêm mở màn biểu diễn, sinh viên bước vào kì thi và những người đang yêu nghi ngờ bạn tình - nói cách khác, có trong mọi nhóm hay mọi cá nhân đang phải đương đầu với những lo lắng, băn khoăn.

Các học giả đã phê phán sự lý giải mang tính chức năng về cách ứng xử mê tín bởi vì nó chỉ chú trọng vào sức mạnh văn hóa trừu tượng như là yếu tố quyết định của cách ứng xử mà loại trừ những nguyên nhân cá nhân đa dạng. Quan niệm cho rằng văn hoá dân gian, trong trường hợp này là tín ngưỡng dân gian, chỉ là sự phản ánh những mô hình văn hoá có từ rất lâu, chẳng hạn như nghi lễ cầu xin, đã đơn giản hoá quá mức những cách thức phức tạp mà theo đó văn hoá dân gian có thể là một phương tiện tưởng tượng để giải quyết những vấn đề của cuộc sống. Tín ngưỡng dân gian trong một hoàn cảnh đặc biệt được dùng cho nhiều nhu cầu cá nhân khác cũng như để giải toả lo lắng. Ví dụ, những người đánh bắt cá thương mại làm việc trên boong tàu thường theo một đức tin nghề nghiệp truyền thống là ném tiền xu ra boong tàu để mua gió cho chuyến đi biển sớm kết thúc, những người thợ mỏ than không muốn cho phụ nữ làm việc dưới mỏ viện vào đức tin truyền thống rằng phụ nữ ở trong mỏ là điềm rủi. Trong cả hai trường hợp trên, tín ngưỡng dân gian được dùng theo các cách sáng tạo cá nhân như là một phần của chiến lược kiểm soát các tình huống đặc biệt, chứ không phải là để giải toả lo lắng. Một người thể hiện một tín ngưỡng dân gian có thể thực sự không tin chuyện đó mà chỉ dùng để nhại lại cách ứng xử của người khác, để thách thức những luật lệ đã được chấp nhận chứ không phải là để củng cố chúng. Để hiểu được rất nhiều chức năng và ý nghĩa của tín ngưỡng dân gian, chúng ta phải xem xét các hoàn cảnh cụ thể mà sự việc diễn ra, chú ý đến các đặc điểm như sự biểu cảm bằng lời nói, cách ứng xử, đối đáp của những người khácv.v...

Gần đây các nhà văn hoá dân gian đã bắt đầu áp dụng lí thuyết trình diễn vào việc nghiên cứu tín ngưỡng dân gian nhằm nắm bắt được các cách mà theo đó những biểu hiện của đức tin  không đơn thuần phản ánh thế giới quan mà còn thực sự giúp chúng ta tái dựng lại chính nền văn hoá. Tín ngưỡng dân gian với tư cách là một bộ phận của truyền thống năng động và không ngừng phát triểnG, không hề tĩnh tại mà liên tục biến đổi vì các cá nhân phải tự điều chỉnh những hiểu biết của mình cho phù hợp với những hoàn cảnh riêng. Lý thuyết trình diễn cho ta một cách tiếp cận để nghiên cứu các sắc thái của sự biểu cảm và ứng xử bằng lời nói khi những điều mê tín được bàn luận đến  hay làm theo. Các định nghĩa về văn hoá dân gian được đưa ra từ nhãn quan trình diễn này dường như đã loại tín ngưỡng dân gian ra ngoài từ khi chúng nhấn mạnh sự giao tiếp nghệ thuật và sự biểu lộ của một đức tin hay việc thực hành một điều mê tín không được xét đến một cách thông thường như một biểu cảm nghệ thuật. ở đây có thể rút ra kết luận rằng các cách ứng xử này bao hàm một thành tố nghệ thuật ở chỗ chúng thường được dựa vào phép ẩn dụ và so sánh, nhưng cho dù chúng không phải là sự giao tiếp nghệ thuật thì chúng cũng lệ thuộc vào các công thức nhất định và châm ngôn mà theo thuật ngữ trình diễn là những điểm mấu chốt làm chúng nổi bật hơn hẳn các cách biểu cảm khác và thiết lập những đầu mối dẫn đến sự khám phá mục đích tu từ của chúng. Gary R.Butler đã làm một nghiên cứu diện rộng về tín ngưỡng dân gian trong cộng đồng người Pháp ở Newfoundland, ông đã áp dụng các khái niệm về trình diễn để nhận dạng và phân tích các mẫu trần thuật và đối thoại trong “Luận đàm về tín ngưỡng”.

Như Butler, các nhà nghiên cứu khác cũng nhận thấy rằng tín ngưỡng dân gian được biểu lộ trong các thể loại khác của văn hoá dân gian như truyện kể [hồi ức cá nhân - (memorates) và truyền thuyết], phong tục, nghi lễ, phong cách ẩm thực, ngạn ngữ và nhạc điệu. Các ví dụ về bản chất xuyên các thể loại của tín ngưỡng dân gian cũng cho ta thấy tính thâm nhập xuyên văn hoá trong cách ứng xử mê tín. Hồi ức cá nhân là những câu chuyện được kể do chính tác giả hay do kể lại với niềm tin vào cốt lõi của chúng. Ví dụ, câu chuyện về một người gặp ma là một  hồi ức cá nhân vì việc tin là có ma chính là điểm cốt yếu của câu chuyện. Một câu chuyện do một người kể chuyện bạn mình đi bộ ở dưới một cái thang và sau đó bị ô tô đâm cũng được liệt vào hồi ức cá nhân vì câu chuyện dựa trên sự mê tín. Người kể chuyện cũng không nhất thiết phải thật sự tin vào tín ngưỡng dân gian, ví dụ, một người có thể nói anh ta sẽ có chuyến đi vào ngày thứ sáu và anh ta vẫn được may mắn trong suốt chuyến đi, câu chuyện đó ngược lại với đức tin truyền thống rằng thứ sáu là ngày không may. Thông thường, tín ngưỡng dân gian được thể hiện dưới dạng truyện kể để chứng minh hay phản bác chúng.

Truyền thuyết thường xa rời với quan điểm của người kể hay người kể lại trong hồi ức cá nhân, chúng thường kể lại các sự kiện xảy ra trong quá khứ hay người quen của người kể không được chứng kiến. Thêm vào đó, các loại truyền thuyết nhất định cũng chứa đựng tín ngưỡng dân gian trong cốt lõi của chúng. Truyền thuyết Con tàu ma (The Flying Dutchman) kể về một con tàu phải chịu dong buồm lang thang vô định trên các biển vì những hành động của vị thuyền trưởng có thái độ báng bổ thần linh. ở đây đức tin chủ yếu là những lời báng bổ (điều kiện là nguyên nhân gây hậu quả theo thuật ngữ cấu trúc) có thể mang đến những sự trừng phạt siêu nhiên (hậu quả), chỉ ra một phạm vi trong đó tín ngưỡng tôn giáo và tín ngưỡng dân gian chồng chéo lên nhau.

Phong tục và các nghi lễ cúng tế cũng chứa đựng tín ngưỡng dân gian làm cốt lõi ý nghĩa của chúng. Phong tục đám cưới đã đề cập ở phần đầu cũng mang nhiều đức tin liên quan, chủ yếu là những đức tin có hàm ý đảm bảo cho cô dâu chú rể bước vào một đoạn đời mới được may mắn. Tín ngưỡng dân gian cũng là một phần thiết yếu của phong tục ngày lễ, là nơi chúng thường giao nhau với phong cách ẩm thực [foodways]. Trong một số nhóm người ở miền Nam nước Mĩ có phong tục ăn đậu mắt đen (thường chế biến với thịt lợn muối) trong ngày đầu năm mới để đảm bảo may mắn cho cả năm. Đây là một ví dụ minh họa cho sự tương tác lẫn nhau của tín ngưỡng, phong cách ẩm thực và phong tục. Tín ngưỡng tồn tại như là một tri thức dân gian và được đưa vào thực tiễn như là cách ứng xử mang tính phong tục. Đó chính là tín ngưỡng được lĩnh hội thông qua hành vi; một đứa trẻ có thể chưa bao giờ được nghe nói rằng năm mới ăn đậu mắt đen thì may mắn nhưng nó sẽ lĩnh hội được đức tin đó khi món  ăn được dọn ra. Một thợ mỏ than tập sự có thể không được nghe nói rằng huýt sáo trong hầm mỏ sẽ gặp rủi ro cho đến khi anh ta huýt sáo và bị đuổi vì đã phạm vào điều cấm kị. Tín ngưỡng dân gian không chỉ tồn tại ở dạng trừu tượng mà nó còn tồn tại trong thực tiễn và cách ứng xử  thực tế. Xin nhắc lại, văn hoá dân gian không chỉ là sự phản ánh một thế giới quan văn hoá trừu tượng, mà nó còn tồn tại trong cuộc sống hàng ngày như là một phương tiện sáng tạo văn hoá.

Thường thường, tín ngưỡng dân gian được thể hiện như những câu ngạn ngữ, hay những vần điệu trong các tình huống mà cách giao tiếp này là phù hợp. Các biểu hiện của thời tiết sẽ dễ nhớ và dễ truyền miệng hơn nếu nó được gieo vần điệu. "Mặt trời đỏ buổi chiều, làm thuỷ thủ sướng vui, mặt trời đỏ ban mai, làm thuỷ thủ thở dài”. Các bài hát đồng dao đôi khi cũng thể hiện tín ngưỡng dân gian, chẳng hạn như "Dẫm phải con cua đá, sẽ làm gẫy lưng má”. Có những đứa trẻ thực sự tin vào điều đó đến mức nó chi phối hành vi của đứa trẻ. Khi đi trên đường chúng tránh dẫm phải cua vì chúng sợ sẽ làm mẹ bị đau. Thành ngữ như "ăn mỗi táo một ngày, bác sĩ đi ăn mày” cũng là một tín ngưỡng y học dân gian được thể hiện dưới dạng cố định của một thành ngữ. "Chuột bỏ tàu sắp đắm” thường được dùng như một câu thành ngữ ẩn dụ sự khinh miệt với những kẻ bỏ rơi một dự án đang thất bại, nhưng nó cũng là một tín ngưỡng dân gian, một điềm báo về một tai hoạ sắp xảy ra.

Các điềm may, điềm gở, các tín hiệu biểu thị sự quan tâm của con người đối với sự bất định của tương lai, khoa học không thể dự đoán tương lai sẽ mang đến cái gì, nhưng tín ngưỡng dân gian đã cho người ta cách để tin rằng họ có thể đoán trước được các sự việc của tương lai. Chúng ta biết được rất nhiều thứ từ chiêm tinh, con số học, bói bài Tarốt, bói chỉ tay đến bảng cầu cơ, các trò chơi của trẻ nhỏ, nhịp dây nhảy để đoán biết tương lai. Có rất nhiều phương thức được coi là các lễ bói toán, các cách bói toán để tiên đoán tương lai. Ví dụ, trẻ nhỏ thường gấp giấy làm đồ chơi dân gian, chúng viết vào đó các lời tiên đoán, các mã mầu, dùng ngón tay để đóng mở một số lần nhất định và xem màu sắc trong đó, chúng có thể đoán biết được chúng sẽ lấy ai, sẽ đi loại xe ôtô gì, sẽ ở nhà kiểu gì v.v... Những hoạt động vui chơi truyền thống của trẻ em thường có các yếu tố tín ngưỡng cơ bản giúp chúng giải thích những điều chúng quan tâm và phát triển thế giới quan.

Tín ngưỡng dân gian thường là một bộ phận của một quá trình văn hoá phức tạpT, cái liên quan đến và cái được biểu hiện trong các thể loại không chỉ có đức tin mà còn có cả các giá trị và các cách ứng xử khác nhau của văn hoá dân gian... Đức tin xuyên văn hoá được lan truyền rộng rãi là chuyện cái nhìn của quỷ (evil eyes  sức -mạnh tưởng tượng làm hại người hay vật bằng một cái nhìn) được thể hiện bằng lời nói như sự bày tỏ trực tiếp, nhờ những điệu bộ và tục ngữ như là nghi lễ hoá giải và nhờ có chạy chữa rất phức tạp mới có thể loại bỏ được tác động của mắt quỷ. Tổ hợp hành vi cơ bản này là những giá trị nhất định, giúp chúng ta giải thích được ý nghĩa của nó. Malde ojo trong tiếng Tây Ban Nha, Mal’occhio trong tiếng Italy, và có ở khắp vùng Địa Trung Hải và ở mọi nơi khác trên thế giới có các dân tộc gốc Địa Trung Hải sinh sống, khái niệm về mắt quỷ rất đa dạng trong các nền văn hoá, nhưng những mô hình cơ bản  thì không thay đổi. Thường thì mắt quỷ là do ai đó vô tình thốt ra lời khen ngợi một người hay vật. “Cái bình trên mặt lò sưởi của anh đẹp quá!” có người nhận xét; hai ngày sau cái bình bị rơi vỡ. "Con bé này đáng yêu quá” một người nói; hôm sau đứa bé bị ốm, và bác sĩ không chuẩn đoán được nó bị bệnh gì. Theo tín ngưỡng dân gian, mắt quỷ chính là nguyên nhân.

Giá trị cơ bản ở đây, điều có vẻ như cho chúng ta biết về đức tin và cách ứng xử chính là ở tầm quan trọng của sự đố kị. Việc giả vờ khen ngợi một người hay một vật chẳng qua là cách thể hiện gián tiếp lòng đố kị. Lòng tin vào quyền lực của mắt quỷ thực chất chính là lời răn không được ghen tị, bởi vì ngay cả cảm giác ghen tị đó là vô thức nhưng nó cũng có thể mang đến đổ vỡ và bệnh tật. Trong những nền văn hoá mà người ta tin rằng có mắt quỷ thì cũng có những cách làm dân gian để hoá giải chúng. Đó là những nghi lễ hoá giải để khi dùng một lời khen ngợi thì cũng ngăn chặn được tác động của mắt quỷ. Ví dụ, ở Puerto Rico nếu khen ngợi một em bé gái thì cũng đồng thời dùng tay chạm nhẹ vào đầu cô bé để ngăn ngừa mắt quỷ. Trong nhóm người Mỹ gốc Italy, câu khen ngợi bao giờ cũng đi liền với lời chúc phúc "Cô bé đáng yêu quá; Chúa phù hộ cho cháu”. Trong văn hoá của người Italy và người Mỹ gốc Italy cũng có các cách chữa truyền thống khỏi bệnh do mắt quỷ. Một bát nước đặt cạnh người nghi là bệnh do mắt quỷ gây ra, người ta rỏ dầu vào bát nước và trích đọc một vài câu Kinh thánh. Chuyển động của dầu ở trong nước cho thấy hiệu lực của việc chữa bệnh. ở một thành phố lớn miền Bắc nước Mĩ, một phụ nữ Mĩ gốc Italy thậm chí còn trình diễn chữa bệnh qua điện thoại, cho ta thấy tín ngưỡng dân gian có thể điều chỉnh cho phù hợp với sự thay đổi của khoa học kĩ thuật như thế nào. Bởi vì các nghi lễ này vừa liên quan đến chữa bệnh, vừa liên quan đến tôn giáo nên mắt quỷ có thể được nghiên cứu như là một hiện tượng vừa mang tính tôn giáo vừa mang tính y học.

Y học dân gian và tôn giáo dân gian là hai mảng nghiên cứu lớn trong bản thân chúng, nhưng cả hai đều có liên hệ về cơ bản với nghiên cứu về tín ngưỡng và các cách ứng xử đi kèm. Tín ngưỡng y học dân gian hay các cách chữa bệnh dân gian đều là những cách thức truyền thống để giải quyết những vấn đề về sức khoẻ. Chúng thường được sử dụng kết hợp với cách chữa bệnh khoa học, và trong thực tế không có một sự khu biệt rành mạch nào hiệu quả giữa y học dân gian và y học khoa học. Chẳng hạn, chữa bệnh bằng thảo dược đã được kiểm nghiệm qua một quá trình sử dụng truyền thống rất lâu dài và được thừa nhận có cơ sở kinh nghiệm khi được khảo sát một cách khoa học. Những công trình nghiên cứu về y học dân gian đều tập trung ở vùng nông thôn hay những khu vực biệt lập nơi người ta không dễ dàng tiếp cận được với các phương tiện chữa bệnh của y học hiện đại; chính vì thế mà những cộng đồng người này phải phụ thuộc rất nhiều vào cách chữa bệnh dân gian. Trong trường hợp này, giống như nhiều loại tín ngưỡng dân gian khác, bản thân tín ngưỡng dân gian này cũng có thể được đưa ra dưới dạng kể chuyện. Mary Lozier, người sống nhiều năm trong một thung lũng lòng chảo biệt lập ở vùng núi Kentucky đã kể chuyện đứa con nhỏ của cô bị rắn hổ mang cực độc cắn, bà của đứa trẻ biết cách chữa bằng thuốc đắp truyền thống làm từ những lát hành, bà đắp nó lên vết cắn để hút nọc độc ra. Đến lúc John, bố của đứa trẻ mượn được một chiếc ô tô lái về nhà thì thằng bé đã có thể chạy ra đón bố và kể rằng nó vừa bị rắn cắn. Câu chuyện vừa rồi cho thấy sự tôn sùng tín ngưỡng cao, nó mô tả sự thực hành tín ngưỡng đó trong một tình huống đặc biệt và nó là công cụ chuyển tiếp truyền thống đó đến người nghe.

Các nghiên cứu khác về y học dân gian cho thấy những người từ nông thôn di trú ra thành phố vẫn mang theo các hoạt động dân gian và làm cho chúng thích nghi với môi trường mới. Một người dân vùng Appalach đến sống ở Detroit không thể tìm được rễ hoàng đàn dại để chữa chứng ho và cảm lạnh, nhưng bà ta lại tìm thấy những gói bột rễ hoàng đàn bán ở hiệu thuốc. Vì theo lối cổ không tin vào các bác sĩ và bệnh viện nên một số nhóm tộc người vẫn tìm đến y học dân gian ngay cả khi các hình thức chữa bệnh khác có sẵn. Người Mĩ gốc Mêhicô ở Nam Texas vẫn tìm đến những người chữa bệnh theo lối truyền thống, những curandero, vì những chứng như susio, một bệnh do những lời nguyền ma thuật gây ra, vì bác sĩ ở bệnh viện có thể gạt bỏ những nguyên nhân loại này như là sự mê tín dị đoan dốt nát. Rất nhiều người thổ dân Mỹ vẫn thích những người chữa bệnh theo y học cổ truyền hơn là các bác sĩ không phải gốc bản địa vì những lí do tôn giáo và đặc tính văn hoá.

Chữa bệnh bằng lòng tin là một lĩnh vực trong đó dân gian và tôn giáo dân gian gối lên nhau vì đức tin tôn giáo chính là cơ sở cho quá trình chữa trị. Tồn tại nhiều hình thức chữa bệnh bằng lòng tin trong các tôn giáo và các nền văn hoá khác nhau: Một người có thể chữa bệnh trong nhà thờ có quyền năng chữa bệnh, hay tự chữa bệnh cho mình bằng cầu nguyện. Jesse Hatcher là một người Mĩ gốc Phi cao tuổi ở vùng núi Blue Rigde bang Virginia đã kể với người đến thăm trang trại của ông ta về việc anh ta cầu Chúa xin chữa bệnh bướu cổ cho ông, và ngày hôm sau cái bướu cổ biến mất. Hồi ức cá nhân này lại một lần nữa trở thành phương tiện biểu đạt tín ngưỡng với việc đưa ra chứng cứ để củng cố tín ngưỡng.

Các biểu hiện của thời tiết và cây cỏ cũng được dùng để xác định quá trình diễn biến trong tương lai của hành động. Tín ngưỡng về thời tiết cũng có cấu trúc điều kiện của dấu hiệu, vì điều kiện mà chúng ta dựa vào không được coi là nguyên nhân gây hậu quả. Hình dạng đám mây, vết đen trên mặt trời, hướng gió, quầng sáng trên mặt trăng không phải là nguyên nhân gây ra sự thay đổi thời tiết mà là những biểu hiện giúp ta đoán biết thời tiết. Những đức tin về thời tiết thường không phải là nỗ lực để kiểm soát thời tiết mà dùng cho các nghề nghiệp ngoài trời như làm ruộng hay đánh bắt cá để lập kế hoạch cho thời gian tới. Các biểu hiện của cây cỏ được những người nông dân và làm vườn sử dụng để xác định thời điểm tốt nhất để gieo trồng loại cây riêng biệt. Niên lịch của người nông dân rất quan trọng trong tập quán vì trong đó có in các dấu hiệu hoàng đạo liên quan đến lịch. Tham khảo niên lịch, người nông dân có thể biết được loại cây nào gieo trồng khi có dấu hiệu nào để có một vụ mùa bội thu. Cũng như y học dân gian, việc gieo trồng theo các dấu hiệu cũng được dùng kết hợp với khoa học kĩ thuật nông nghiệp hiện đại.

Không nên lấy các ví dụ trên được đưa ra từ các nhóm tộc người và các nhóm nông thôn cũng làm sự biểu thị rằng tín ngưỡng dân gian chỉ có ở trong các nền văn hoá không phải là chủ chốt, có nhiều bằng chứng cho rằng tín ngưỡng dân gian và các cách ứng xử có liên quan được lan truyền rộng rãi trong toàn thể dân chúng - ở tất cả các mức độ thu nhập và giáo dục khác nhau, ở môi trường ngoại ô và thành thị, cả trong các lĩnh vực có sự tham gia của khoa học kĩ thuật nhiều nhất. Alan Dundes đã chỉ ra ảnh hưởng của con số ba đầy ma lực đối với các mô hình khoa học và y học cũng như trong các cuốn sách giáo khoa mang tính hàn lâm. Cái gọi là Những hành động trong thời kì mới (New Age activitivies) lại là một lĩnh vực khác mà tín ngưỡng dân gian hiện đang được thực hành rộng rãi. Rất nhiều tín ngưỡng về thời kì mới được mượn từ các nền văn hoá khác, chẳng hạn như văn hoá của thổ dân Mỹ, hay được xem xét lại dựa trên những tài liệu lịch sử về các tôn giáo thời kì tiền - Thiên chúa giáo. Chúng ta thấy cả những người tầng lớp trung lưu, có học thức ở thành thị cũng mang theo hạt pha lê trong ví hoặc trong túi để lấy may, hay trong cuộc sống hàng ngày có những người thực hành những hình thức nghi lễ cổ xưa của tín ngưỡng như người Wicca và tự gọi mình là phù thuỷ. Các dạng mới này của cách ứng xử truyền thống không được các nhà văn hoá dân gian nghiên cứu rộng, nhưng chúng cần được các học giả quan tâm đến tín ngưỡng dân gian khảo cứu một cách nghiêm túc như là một phần cách ứng xử của con người.

Nghiên cứu tín ngưỡng dân gian đã đi qua một chặng đường dài từ mối quan tâm của thế kỉ XIX về những tàn tích nguyên thuỷ đến mối quan tâm của cuối thế kỉ XX về cách ứng xử thường nhậtN, từ một mô hình dựa trên sự tiến bộ của nền văn minh nhân loại đến một mô hình dựa trên cơ cấu xã hội thực tại. Các học giả trước kia đã coi họ như đang đứng tại điểm phát triển nhất của nền văn minh mà xem xét các động thái bên trong của tư duy của người cổ xưa và của tầng lớp nông dân. Còn các học giả ngày nay xem họ như  đang thực hành những dạng nhất định của tín ngưỡng dân gian, vạch ra những sơ đồ mang tính học thuật của họ để sắp đặt thế giới theo cùng một số cách mà những người khác sử dụng tín ngưỡng dân gian hay tôn giáo để xây dựng những mẫu hình riêng của họ. Sau cùng, lí thuyết về nghi lễ - cầu xin phù hợp với mô hình cấu trúc của sự mê tín với một điều kiện là nguyên nhân gây hậu quả (sự bất định) và một hậu quả (yêu thuật). Sự thay vị trí của hệ biến hoá mang tính học thuật này đã diễn ra hơn một thế kỉ, và còn nhiều điều về tín ngưỡng dân gian, văn hoá và cách ứng xử của con người đáng được tìm hiểu thấu đáo hơn nữa nếu những mô hình này của sự phát triển vẫn còn giá trị đối với chúng ta.

### Tài liệu tham khảo

Butler, Gary R.1990. Saying Isn’t Believing: Conversation, Narrative and Discourse of Belief in a French Newfoundland  Community [Nói không phải là tin: Đối thoại, truyện kể và luận bàn về tín ngưỡng trong cộng đồng người Pháp ở Newfoundland]. St. John’s, Newfoundland: Institute of Social and Economic Research

Dunles, Alan. 1975. Analytic Essays in Folklore [Những tiểu luận phân tích về văn hoá dân  gian] The Hague: Mouton.

Hand, Wayland D, chủ biên. 1964 [1961]. Popular beliefs and Superstitions from North Carolina [Tín ngưỡng bình dân và những chuyện mê tín ở vùng Bắc Carolina] tập 6 và tập 7 của The Frank C. Brown Collection of North Carolina Folklore [Bộ sưu tập văn hoá dân gian vùng Bắc Carolina của Frank C. Brown] do Newman Ivey White chủ biên. Durham, NC:  Duke University Press

Jahoda, Gurtav. 1969. The Psychology of Superstition, [Tâm lí học về sự mê tín] London: Penguin.

Krappe, Alexander H. 1930. The Science of Folklore [Khoa học văn hoá dân gian]. New York: Barnes and Noble.

Lessa, William A., và Evon Z.Vogt chủ biên 1979. Xuất bản lần thứ tư. Reader in Comparative Religion: An Anthropological Approach [Người đọc về tôn giáo mang tính so sánh: Một cách tiếp cận nhân học]. New York: Harper and Row. Xem các chương: George C. Homans, "Anxiety and Ritual: The Theories of Malinowki and Radcliffe - Brown” [Khẩn cầu và nghi lễ: Lí thuyết của Malinowki và Radeliffe - Brow], Bronislaw Malinowski ,"The Role of Magic and Religion” [Vai trò của pháp thuật và tôn giáo] và A. R . Radeliffe - Brown , "Taboo” [Cấm kị]

Levine, Lawrence W. 1977. Black Culture and Black Consciousness: Afro - American Folk Thought from Slavery to Freedom [Nền văn hoá và ý thức của người da đen: tư duy dân gian của người Mỹ gốc Phi từ chế độ nô lệ đến tự do] New York: Oxford University Press.

Malinowski, Bronislaw. 1948. Magic, Science and Religion and Other Essays [Pháp thuật, khoa học, tôn giáo và các tiểu luận  khác]. Boston: Free Press.

Mullen, Patrick B. 1978. I Heard the Old Fishermen Say: Folklore of the Texas Gulf Coast. [Tôi nghe thấy những ông già đánh cá kể: Văn học dân gian vùng bờ biển vịnh Texas]. Austin: University of Texas Press.

Van Gennep, Arnold. 1960. The Rites of Passage [Các lễ chuyển giai đoạn] Chicago: University of Chicago Press.

(Theo: Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan chủ biên (2005), Folklore: Một số thuật ngữ đương đại, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội).